

Số: /QĐ-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 42/CP ngày 24/3/1962 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 116/NQ-HĐT ngày 10/10/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Giao thông vận tải ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2016/QĐ-ĐHGTVT ngày 11/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải, được sửa đổi, bổ sung một số điều bằng Quyết định số 508/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/3/2026;

Căn cứ Thông báo số 174/TB-ĐHGTVT ngày 06/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 416/TB-ĐHGTVT ngày 29/5/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải Kết luận cuộc họp của Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026 về việc xét tuyển trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026;

Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 53 thí sinh trúng tuyển trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026, trong đó Hà Nội có 43 thí sinh, Phân hiệu tại TP.HCM có 10 thí sinh. (Danh sách kèm theo).

Điều 2. Các thí sinh trúng tuyển làm thủ tục nhập học vào ngày 29/6/2026.

Điều 3. Trưởng các phòng: HCTH, KT&ĐBCLĐT, ĐTSĐH, TCKT; các khoa: Công trình, Công nghệ thông tin, Điện - Điện tử, Vận tải - Kinh tế, Cơ khí, Quản lý xây dựng, Phân hiệu tại TP.HCM và thí sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để c/đ);
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, KT&ĐBCLĐT (3).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Thanh Chương

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHGTVT ngày /6/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT)

T T	Số Căn cước công dân	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Định hướng	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp bậc đại học	Xếp loại TN bậc ĐH	Trình độ ngoại ngữ
I. Tại Hà Nội:									
1	019099000014	Võ Quang Linh	03/11/1999	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Khá	NN đào tạo bậc ĐH bằng tiếng Anh
2	026090004132	Đặng Văn Oanh	20/08/1990	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
3	001200027010	Đỗ Hồng Quân	17/10/2000	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Khá	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
4	034300002292	Phan Thị Như Quỳnh	14/08/2000	Nữ	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Khá	Cử nhân ngành NN Anh
5	001202012964	Nguyễn Thanh Tùng	08/12/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Khá	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
6	001087039883	Trịnh Quang Vinh	27/09/1987	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Tin học/Công nghệ thông tin/Mạng MT&TT	Trung bình	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
7	034202003946	Đào Mạnh Cường	28/03/2002	Nam	Kỹ thuật cơ khí động lực	Ứng dụng	Kỹ thuật cơ khí động lực	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
8	035202002375	Ngô Trung Hiếu	13/09/2002	Nam	Kỹ thuật cơ khí động lực	Ứng dụng	Kỹ thuật cơ khí động lực	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
9	036202010880	Vũ Trọng Quyền	28/10/2002	Nam	Kỹ thuật cơ khí động lực	Ứng dụng	Kỹ thuật cơ khí động lực	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
10	001202033175	Nguyễn Thành Đạt	24/05/2002	Nam	Kỹ thuật điện tử	Nghiên cứu	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Giỏi	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
11	001202001615	Nguyễn Dũng Minh Tâm	26/01/2002	Nam	Kỹ thuật điện tử	Nghiên cứu	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
12	001202021158	Lưu Quý Đức	29/11/2002	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Nghiên cứu	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Khá	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
13	033200002368	Lê Việt Hà	05/04/2000	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Nghiên cứu	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Khá	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
14	001301030712	Vương Lan Hương	20/06/2001	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Nghiên cứu	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Giỏi	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
15	008201006940	Đỗ Chí Khiêm	03/03/2001	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Nghiên cứu	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
16	015200001462	Trần Đức Trung	28/03/2000	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Nghiên cứu	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Khá	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
17	001076034407	Quách Sĩ Dũng	24/06/1976	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Xây dựng Cầu Đường	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
18	015302008142	Đinh Thu Hạ	20/12/2002	Nữ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
19	011202006693	Phạm Công Hiếu	14/12/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
20	001099012182	Trịnh Việt Hoàng	27/08/1999	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
21	044202004076	Tường Quốc Hưng	29/10/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
22	033099002487	Lê Bá Ninh	20/08/1999	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
23	001096020116	Hoàng Anh Tuấn	20/08/1996	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng (CTTT)	Trung bình	NN đào tạo bậc ĐH bằng tiếng Anh
24	015202005547	Cù Đức Thành	13/07/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
25	001302015855	Nguyễn Phương Anh	31/05/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

T T	Số Căn cước công dân	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Định hướng	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp bậc đại học	Xếp loại TN bậc ĐH	Trình độ ngoại ngữ
26	036202005252	Trần Thế Anh	22/11/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
27	033302002200	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/08/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Giỏi	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
28	002202006323	Trịnh Tất Đạt	05/12/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
29	031202001944	Phạm Hoàng Hùng	15/11/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
30	019084002595	Lê Hoàng Huy	23/03/1984	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	TB khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
31	044303004728	Nguyễn Minh Ngọc Huyền	12/04/2003	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
32	010302006884	Nguyễn Lan Hương	01/12/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Giỏi	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
33	006302000045	Tráng Mỹ Ngọc	17/09/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
34	027202010486	Nguyễn Đức Tân	07/12/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
35	020201002787	Mã Đình Tiến	23/06/2001	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Giỏi	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
36	037099001486	Phạm Tuấn Thanh	28/08/1999	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
37	026083015229	Nguyễn Đức Hiền	10/04/1983	Nam	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng	Kế toán	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
38	034203011863	Đỗ Hoàng Long	02/12/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng	Quản trị kinh doanh	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
39	001303048546	Vũ Giang Thanh	17/05/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng	Kế toán (CLC)	Xuất sắc	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
40	001303010156	Trần Phương Thảo	02/07/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng	Kế toán (CLC)	Xuất sắc	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
41	030203001114	Nguyễn Minh Đức	28/09/2003	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Ứng dụng	Khai thác vận tải	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
42	001202021057	Đình Đức Mạnh	30/09/2002	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Ứng dụng	Kinh tế vận tải	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
43	001204018356	Bùi Trọng Tấn	02/10/2004	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Ứng dụng	Quản lý hoạt động bay	Xuất sắc	Tiếng Anh bậc 5 (C1)
II. Phân hiệu tại TP.HCM:									
1	087094013261	Nguyễn Hoàng Bảo Bảo	07/11/1994	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Cấp thoát nước	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
2	080080006232	Nguyễn Minh Hiếu	04/05/1980	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Xây dựng cầu đường	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1+)
3	074202000704	Nguyễn Huy Hoàng	06/05/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
4	033080011612	Dương Ngọc Hưng	18/05/1980	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	TB khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1+)
5	017083005932	Bùi Trung Kiên	30/04/1983	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kiến trúc công trình	TB khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1+)
6	068302001357	Triệu Thị Thùy Liên	02/05/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Quản lý xây dựng	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
7	077096008310	Phạm Thành Long	14/12/1996	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
8	079088013939	Nguyễn Đức Luận	23/06/1988	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Thủy lợi - Thủy điện - Cấp thoát nước	TB khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1+)
9	079187037408	Nguyễn Tuyết Nhung	27/02/1987	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Quy hoạch đô thị	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
10	079095031807	Lê Thanh Tân	29/10/1995	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1+)

Danh sách có 53 thí sinh, trong đó:

- Đào tạo tại Hà Nội: 43 thí sinh;

- Đào tạo tại Phân hiệu TP.HCM: 10 thí sinh./.